UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/TB-BQL	*Đại Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với đất do UBND xã quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phân vi sinh, chế phẩm sinh học và kho bãi, lưu giữ hàng hóa của Công ty TNHH Công nghệ xanh Hưng Yên trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Thông báo thu hồi đất số 164/TB-CTUBND ngày 06/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phân vi sinh, chế phẩm sinh học và kho bãi, lưu giữ hàng hóa của Công ty TNHH Công nghệ xanh Hưng Yên trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng tiến hành niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với đất do UBND xã quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phân vi sinh, chế phẩm sinh học và kho bãi, lưu giữ hàng hóa của Công ty TNHH Công nghệ xanh Hưng Yên trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên tại 03 địa điểm như sau:

- Trụ sở UBND xã Đại Đồng
- Nhà văn hóa thôn Đại Từ, xã Đại Đồng;
- Nhà văn hóa thôn Văn Ổ, xã Đại Đồng.

Thời gian công khai: 10 ngày kể từ ngày 12/8/2026.

Đề nghị Phòng Văn hóa - Xã hội xã đăng tải trên công thông tin điện tử xã; Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Đồng và cơ sở thôn Đại Từ, thôn Văn Ổ thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn để nhân dân được biết.

Trong thời gian công khai, đề nghị các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan có ý kiến thắc mắc hoặc yêu cầu bổ sung, đề nghị gửi về Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đại Đồng thông qua cơ sở thôn Đại Từ, thôn Văn Ổ để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã tiếp thu và tổng hợp.

Quá thời hạn trên, mọi ý kiến góp ý sẽ không được xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND xã Đại Đồng;
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Cơ sở thôn Đại Từ; thôn Văn Ổ;
- Lưu: VT, BQL.

GIÁM ĐỐC

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hoàng Văn Hiếu

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG
BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT DO UBND XÃ QUẢN LÝ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN VI SINH, CHẾ PHẨM SINH HỌC VÀ KHO BÃI, LƯU GIỮ HÀNG HÓA CỦA CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH HƯNG YÊN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số: ...31../TB-BQL ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai Hưng Yên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 6/8/2020		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Đơn giá	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa					
	Đất do UBND xã quản lý							
1	Đất chuyên trồng lúa nước	11	1	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	3	9,9	LUC	125.000	1.237.500	
		11	973	0,9	LUC	125.000	112.500	
		11	702	467,1	LUC	125.000	58.387.500	
		11	706	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	707	0,5	LUC	125.000	62.500	
		11	708	26,1	LUC	125.000	3.262.500	
		11	709	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	890	95,1	LUC	125.000	11.887.500	
		11	983	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	756	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	758	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	759	0,4	LUC	125.000	50.000	
		11	915	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	912	7,9	LUC	125.000	987.500	

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai Hưng Yên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 6/8/2020		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Đơn giá	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa					
		11	911	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	810	25,1	LUC	125.000	3.137.500	
		11	811	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	812	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	813	15,9	LUC	125.000	1.987.500	
		11	815	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	816	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	817	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	841	97,2	LUC	125.000	12.150.000	
		11	927	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	843	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	844	20,1	LUC	125.000	2.512.500	
		11	845	0,9	LUC	125.000	112.500	
		11	846	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	978	0,1	LUC	125.000	12.500	
		15	980	0,5	LUC	125.000	62.500	
		11	849	3,7	LUC	125.000	462.500	
		11	908	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	925	0,8	LUC	125.000	100.000	
		11	875	0,2	LUC	125.000	25.000	
	TỔNG			**775,5**			**96.937.500**	